

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 15/11/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng.

Ông Vũ Xuân Tuất

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy Kiều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:* ông Đinh Ngọc Mạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án thụ lý số: 615/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1968.

- Bị đơn: Ông Lương Thanh D, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: ấp T B, xã B M, huyện T B, tỉnh Đ N.

(bà N, ông D có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2019, biên bản hòa giải trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn Phạm Hồng N trình bày: Bà Phạm Hồng N và ông Lương Thanh D tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C S, huyện C T, tỉnh T H. Thời gian vợ chồng chung sống được 04 năm, từ năm 1988 đến năm 1992 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa thuận, ông D thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập bà, ông D còn hay nhục mạ, xúc phạm danh dự của bà N và cha mẹ bà. Vợ chồng đã ly thân được hơn 06 tháng nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 người con chung là Lương Thanh H, sinh năm 1988; Lương Thị Thu H, sinh năm 1989 và Lương Thanh T, sinh năm 1994. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn ông Lương Thanh D trình bày:* ông và bà Phạm Hồng N kết hôn vào năm 1987. Vợ chồng chung sống có 03 người con chung, là Lương Thanh H, sinh năm 1988; Lương Thị Thu H, sinh năm 1989 và Lương Thanh T, sinh năm 1994.

Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung không có.

Ông không chấp nhận yêu cầu ly hôn, vì ông cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không có gì trầm trọng. Ông D xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bị đơn đều có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà N và ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng qui trình tố tụng giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Hồng N vì tình trạng mâu thuẫn trong quá trình chung sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân được hơn 06 tháng nay. Về con chung thì các con đều đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Phạm Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lương Thanh D. Ông D có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ K, xã G Đ, huyện T B tỉnh N và hiện đang sinh sống tại ấp T B, xã B M, huyện T B, tỉnh Đ N. Do đó, đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy trích lục ghi chú kết hôn của Ủy ban nhân dân xã C S, huyện C T, tỉnh T H cấp và căn cứ theo lời trình bày của đương sự là tự nguyện kết hôn có thể xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Hồng N và ông Lương Thanh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét cuộc sống chung vợ chồng giữa bà N và ông D không hạnh phúc, do mâu thuẫn gia đình kéo dài, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân được hơn 6 tháng nay. Tòa án đã nhiều lần động viên vợ chồng về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 23/9/2019 đại diện chính quyền địa phương cho biết việc mâu thuẫn gia đình của bà N và ông D địa phương không nắm rõ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó lẫn nhau nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phạm Hồng N được ly hôn với ông Lương Thanh D.

- Về con chung: Các con hiện nay đều đã thành niên và có khả năng lao động, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0007031 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 147, Điều 235; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Hồng N

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hồng N được ly hôn với ông Lương Thanh D.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0007031 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, bà N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Hồng N và ông Lương Thanh D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS H. Trảng Bom;
- UBND xã C S, huyện C T, tỉnh T H.
- UBND xã B M, huyện T B, tỉnh Đ N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Châu Ngọc Hà